

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ- ST

Ngày 12-9-2023

V/v ly hôn, nuôi con
chung sau khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16-8-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29-8-2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1998- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Bàn Văn H, sinh năm 1995- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Thị N trình bày: Chị N và anh Bàn Văn H kết hôn với nhau ngày 14-9-2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L. Chị N và anh H chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không thể hòa hợp được với nhau. Chị N đã

sống ly thân anh H từ tháng 2 năm 2023. Chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung tên là Bàn Văn Đ, sinh ngày 12-8-2015 và Bàn Thị Kim L, sinh ngày 20-10-2018. Sau khi ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung Bàn Văn Đ và Bàn Thị Kim L chị đồng ý, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung cháu Đ và cháu L 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về mức thu nhập: Hiện nay chị N có shop bán quần áo ở tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Y có mức thu nhập 6.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Bàn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị N được ly hôn anh H; giao hai cháu Đ và cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho hai cháu Đ và cháu L 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm*: Chị Bàn Thị N và anh Bàn Văn H kết hôn với nhau ngày 14-9-2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến không thể hòa hợp được với nhau. Chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về phía anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh H biết việc chị N xin ly hôn, nhưng anh H không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 15-8-2023 ở thôn 8, xã Đ, huyện L, tỉnh Y nơi chị N và anh H cư trú, sinh sống cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến không thể hòa hợp được với nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị N được ly hôn anh H.

[4] *Về con chung*: Chị N và anh H có hai con chung, tên là Bàn Văn Đ, sinh ngày 12-8-2015 và Bàn Thị Kim L, sinh ngày 20-10 -2018. Hai cháu Đ và cháu L đang ở với anh H và mẹ đẻ anh H. Chị N đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cháu Đ và cháu L, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu Đ và cháu L 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Đối với anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc nuôi con chung anh H đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh H biết được nguyện vọng chị N nhất trí để anh H trực tiếp nuôi hai con chung và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung, nhưng anh H không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 15-8-2023 ở thôn 8, xã Đ, huyện L, tỉnh Y nơi chị N và anh H, cư trú và sinh sống xác nhận: Cháu Đ và cháu L hiện nay đang sống cùng anh H và mẹ đẻ anh H là bà Thạch Thị T. Về thu nhập: Anh H làm xây dựng ở Hà Nội có mức thu nhập 10.000.000 đồng/tháng; chị N hiện nay có shop bán quần áo ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Y có mức thu nhập 6.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Đ đang sống cùng anh H và mẹ đẻ anh H, nguyện vọng của cháu Đ muốn được ở cùng anh H; cháu L sống cùng anh H và bà Thạch Thị T từ nhỏ đến nay. Để đảm bảo về tâm lý phát triển bình thường, nguyện vọng của con và nguyện vọng của chị N, Cần giao cháu Đ và cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao hai cháu Đ và cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng

nuôi hai cháu Đ và cháu L 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Bàn Thị N được ly hôn anh Bàn Văn H

2- *Về con chung xử*: Giao hai cháu Bàn Văn Đ, sinh ngày 12-8-2015 và Bàn Thị Kim L, sinh ngày 20-10-2018 cho anh Bàn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Bàn Thị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu Đ và cháu L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, kể từ tháng 10 năm 2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- *Về án phí*: Chị Bàn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2022/0001046 ngày 24-7-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Bàn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Bàn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Động Quan;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh